

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2023/HS-ST
Ngày: 02-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyển
Bà Nguyễn Thị Uyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị T Duyên - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn
Thị Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình
Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2023/TLST-
HS ngày 27 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
55/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Thôn 01, xã L, huyện P,
tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh;
Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C,
sinh năm 1959 và bà Trần Thị B, sinh năm 1965; có chồng Đồng Lê Tiến T1,
sinh năm 2002 và 01 người con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2023 và tạm giam từ ngày 13/4/2023 cho
đến nay và có mặt tại phiên tòa

Bị hại: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959

Bà Trần Thị B, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Thôn 01, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ
án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu T là con gái ruột của bà Trần Thị B, sinh năm 1965 và
ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959, có địa chỉ tại thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh
Bình Phước.

Khoảng 08 giờ, ngày 10/3/2023, sau khi ăn sáng với Nguyễn Thị C, sinh

năm 2002 trú tại thôn 7, xã L, huyện P, T nhờ C chở về nhà ba mẹ của T. Khi đến nhà, quan sát không thấy ai, T đẩy chốt cửa cổng đi vào nhà bằng cửa hông, thấy bà B đang dọn dẹp phía sau nên T lên vào phòng khách trốn. Khoảng 30 phút sau, bà B đi chợ, T đi xuống phòng bếp lấy chìa khóa để trong túi quần áo mở khóa két sắt (két sắt để sẵn mật khẩu), phát hiện bên trong két sắt có túi vải màu trắng đựng một con gấu bông màu nâu và một tờ giấy ghi “vàng dì út gửi”. T kiểm tra con gấu rồi lấy con dao thái lan cán vàng rạch phía dưới bụng con gấu thấy có ba miếng vàng hình chữ nhật, trên miếng vàng có chữ SJC và 9999, T lấy một miếng vàng bỏ vào trong túi quần, còn hai miếng vàng T cất lại trong két sắt cùng con gấu. T khóa két sắt, cất chìa khóa vào vị trí cũ. Sau đó, T đi ra phía chuồng gà để tìm kiếm thêm tài sản trộm cắp thì phát hiện số tiền 35.000.000 đồng cất giấu trong ca nhựa để bên trong thùng nhựa màu xanh. T lấy số tiền trên bỏ vào túi quần cùng với miếng vàng rồi đi lên phòng khách ẩn nấp đợi cơ hội trốn ra ngoài. Bà B đi chợ về mở cửa cổng và cửa nhà, cùng lúc ông C cũng đi về, T lợi dụng lúc ông C và bà B không để ý bỏ trốn ra ngoài.

Sau đó, T bắt xe khách tới phường Dương Đông, T1 phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang bán miếng vàng cho tiệm vàng Huỳnh Kim, địa chỉ 313 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, T1 phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang được 60.000.000 đồng. T sử dụng 18.000.000 đồng để đóng học phí học nghề tại tiệm makeup Minh Kha, địa chỉ: hẻm 49 Lý Thường Kiệt, phường Dương Đông, T1 phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất 01 lượng (cây) vàng 9999 và số tiền 35.000.000đ, ông C và bà B coi lại camera phát hiện T đã đột nhập nhà mình. Sau đó ông C và bà B nhiều lần gọi điện thoại cho T nhưng không được nên gia đình bà B nghi ngờ T đã Cắm đoạt số tài sản trên. Do đó, ngày 11/3/2023 bà B đã lên Công an xã L trình báo. Ngày 05/4/2023, T đã lên Công an xã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về 01 miếng vàng T bán cho tiệm vàng Huỳnh Kim do bà Huỳnh Thị Kim Giàu, sinh năm 1991, trú tại 313 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, T1 phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang làm chủ, tiệm vàng đã nấu và bán lại cho khách hàng nhưng không xác định được bán cho ai, do đó Cơ quan CSĐT không thu hồi được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2023 kết luận: tại thời điểm ngày 10/3/2023, 01 (một) lượng vàng 9999 hình chữ nhật, loại vàng SJC có giá trị 66.700.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Bà B giao nộp 01 con dao thái lan dài 20cm, lưỡi kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu vàng và 01 USB màu trắng hiệu hoco chứa 4 đoạn video thể hiện hình ảnh người phụ nữ mặc áo khoác màu xanh, quần dài màu vào nhà bà B ngày 10/3/2023.

Tại bản Cáo trạng số 55/Ctr -VKS ngày 26/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố Nguyễn Thị Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước giữ nguyên Cáo trạng số 55/Ctr-VKS ngày 26/6/2023. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 4 đến 5 năm.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 con dao thái lan dài 20cm, lưỡi kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu vàng, là tài sản của bà B, bà B không có yêu cầu nhận lại nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông C, bà B không yêu cầu T bồi thường số tài sản bị T Cắm đoạt nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bị hại bà Trần Thị B tranh luận: Thời gian tạm giam vừa qua đã là một bài học để bị cáo sửa chữa sai lầm. Bị cáo là con ruột của bị hại nên bị hại không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự, mong Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo, để bị cáo về nuôi dạy con nhỏ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã rất ân hận, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có cơ hội chuộc lỗi với bố mẹ và chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:*

Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định.

[2] *Về hành vi phạm tội:*

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Bị cáo là con của ông C, bà B, trước đây có ở chung nhà nên biết nhà có tiền, vàng và nơi cất giữ. Ngày 10/3/2023, lợi dụng lúc bà B làm việc nhà, T đã lén lút đột nhập vào nhà Cắm đoạt số tiền

35.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC, loại vàng 9999 có giá trị là 66.700.000đồng.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại; người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 10/3/2023, Nguyễn Thị Thu T đã có hành vi lén lút Cắm đoạt của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị B số tiền 35.000.000 đồng và một lượng vàng SJC loại vàng 9999 có giá trị 66.700.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Thị Thu T đã đủ yếu tố cấu T1 tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định như sau:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Cắm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác - là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Về tính chất của vụ án:

Bị cáo lợi dụng sự sơ hở ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị B - là bố mẹ của bị cáo, để lén lút Cắm đoạt số tiền 35.000.000 đồng và một lượng vàng SJC loại vàng 9999. Khi thực hiện hành vi bị cáo là người T1 niên có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc lén lút Cắm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thuộc trường hợp người phạm tội ra đầu thú; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 03 tháng 28 ngày, khoảng thời gian này đã giúp bị cáo nhận thức về hành vi phạm tội đã thực hiện và ý thức chấp hành pháp luật, bị cáo có con nhỏ, người bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, tu dưỡng rèn luyện bản thân ý thức chấp hành pháp luật và nuôi dạy con. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện là án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng phù hợp với quy định pháp luật đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nhưng vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao thái lan dài 20cm, lưỡi kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu vàng.

[5] *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát* tham gia phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] *Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt*

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị Thu T tại phiên tòa.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao thái lan dài 20cm, lưỡi kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu vàng.

[3] *Án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng.

[4] *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng HS nghiệp vụ - CA tỉnh BP;
- VKSND huyện P
- C cục THA huyện P;
- CA huyện P;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phụng

